TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 529/2024/HS-PT
Ngày 10/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyển;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phan Nam;

Ông Phạm Văn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Cảnh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Đoàn Thị Bình - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 574/2024/TLPT-HS ngày 21 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Lò Văn T và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2024/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Lò Văn T, sinh ngày 06/7/1995 tại huyện T, tỉnh Điện Biên; nơi cư trú: Bản Hả, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn N (đã chết) và bà Lường Thị X; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2023 cho đến nay. Có mặt.

2. Sùng A C, tên gọi khác: Sùng A S, sinh ngày 01/01/1994 tại huyện M, tỉnh Điện Biên; nơi cư trú: Bản C, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Sùng Tồng L và bà Vàng Thị D; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 27/8/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên xử phạt 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; ngày 18/5/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên xử phạt 38 (ba mươi tám) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/10/2023 cho đến nay. Có mặt.

3. Lò Văn S1, sinh ngày 06/8/2002 tại huyện T, tỉnh Điện Biên; nơi cư trú:

Bản C, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn T1 và bà Quàng Thị K; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2022 cho đến nay. Có mặt.

4. Cà Văn S2, sinh ngày 08/7/1995 tại huyện T, tỉnh Điện Biên; nơi cư trú: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cà Văn Y và bà Quàng Thị Đ; bị cáo có vợ là Lò Thị O và 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2022 cho đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Sùng A C theo chỉ định của Tòa án:* Ông Lường Ngọc C1, Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Cà Văn S2 theo chỉ định của Tòa án:* Ông Đèo Văn H, Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T:* Luật sư Đỗ Mạnh H1, thuộc Công ty L1, Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn S1:* Luật sư Phạm Hương G, thuộc Văn phòng Luật sư Phạm Hồng H2 và cộng sự, Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:* Ông Lò Văn T1, sinh năm 1976; địa chỉ: Bản C, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lò Văn T1: Luật sư Phạm Hương G, thuộc Văn phòng Luật sư Phạm Hồng H2 và cộng sự, Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 03 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị cùng một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lò Văn T, Trần Quang H3, Bùi Văn T2 có mối quan hệ quen biết. Các đối tượng có trao đổi số điện thoại để liên lạc và kết bạn trên ứng dụng Telegram. T lưu tên liên lạc của H3 là "Ahuiiit.N" đăng ký bằng số điện thoại 0762.222.204, tên liên lạc của Bùi Văn T2 là "A H4" đăng ký bằng số điện thoại 0867.216.993.

Khoảng 10 giờ ngày 01/12/2022, T đang ở nhà thì nhận được cuộc gọi đến qua ứng dụng Telegram tên liên lạc "A H4" nhưng giọng trên điện thoại là Trần Quang H3, qua trao đổi H3 đặt vấn đề mua của T 04 bánh Heroine với giá 500.000.000 đồng (125.000.000 đồng/bánh), T đồng ý, H3 bảo T nhắn tin số tài khoản nhận tiền vào tài khoản T3 "A H4" để H3 chuyển trước 320.000.000 đồng

tiền cọc mua ma túy, khi nào nhận được ma túy H3 sẽ chuyển khoản thanh toán nốt 180.000.000 đồng, T nhất trí và gửi số tài khoản 3601000085388 Ngân hàng B1 của Lò Thị T4 (bạn của T) vào tài khoản T3 "A H4". Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, tài khoản của T4 nhận được số tiền 320.000.000 đồng từ số tài khoản 0327125198 của Ngân hàng M - Chủ tài khoản tên "BUI VAN TAI". Sau đó, T cùng T4 ra chi nhánh Ngân hàng BIDV huyện B1 rút toàn bộ số tiền trên (T không nói với T4 nguồn gốc và mục đích sử dụng số tiền). Cùng khoảng thời gian trên, Bùi Văn T2 nhận được điện thoại của Trần Quang H3 hẹn ra quán nước nói chuyện, khi gặp nhau H3 đưa cho T2 sử dụng 01 chiếc điện thoại (là điện thoại H3 đã mua trước đó cho T2, trong điện thoại có lắp thẻ sim số 0867.216.993 và đăng ký ứng dụng Telegram với tên tài khoản là "A H4"), H3 bảo T2 liên lạc với T để hẹn thời gian và địa điểm giao nhận ma túy. Do đã nhiều lần liên lạc với T để nhận ma túy thuê cho H3 nên T2 đồng ý và gọi điện cho T, T bảo chưa mua được ma túy và hẹn khi nào có sẽ gọi lại sau.

Khoảng 08 giờ ngày 02/12/2022, Lò Văn T điều khiển xe máy Biển kiểm soát 27Z1-387.50 đến nhà Sùng A C đặt mua loại ma túy với số lượng như H3 đã trao đổi. Chứ nhất trí và hẹn khi nào có ma túy sẽ thông báo sau. Giá bán 01 bánh Heroine là 80.000.000 đồng, 04 bánh tổng giá tiền 320.000.000 đồng. Sau khi thống nhất xong, T đi về nhà, C điều khiển xe máy Biển kiểm soát 27Y1-104.24 đến nhà Sùng Nhìa T đặt mua 04 bánh Heroine, T5 đồng ý và bán cho Chứ 04 bánh Heroine với giá 60.000.000 đồng/bánh, C hẹn khi nào bán được ma túy sẽ trả tiền cho T5 sau, T5 nhất trí. Sau khi mua được ma túy, C mang về nhà cất giấu. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày 02/12/2022, C gọi điện cho T thông báo đã có ma túy và hẹn T đến khu vực dốc B, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên nhận ma túy mang về, T nói sẽ cho người của T lên nhận ma túy.

Sau khi thống nhất thời gian, địa điểm giao nhận ma túy với C, T gọi điện cho Cà Văn S2, nội dung T nói có người thuê vận chuyển 04 bánh Heroine, xong việc T sẽ trả công 40.000.000 đồng. Do khoảng thời gian tháng 11/2022, Cà Văn S2 đã nói chuyện và bảo T khi nào có người thuê vận chuyển ma túy thì báo cho Cà Văn S2, nên khi nghe T nói vậy Cà Văn S2 đồng ý. T bảo Cà Văn S2 đến khu vực dốc B lấy ma túy, Cà Văn S2 nói không biết chỗ nên T bảo Cà Văn S2 xuống nhà T đón Lò Văn C2 đi cùng (lúc này C2 đang ở nhà T chơi). Khoảng 22 giờ cùng ngày, Cà Văn S2 điều khiển xe ô tô BKS 27A-088.00 đến nhà T đón C2, trước khi đi T cho C2 số điện thoại 0968.458.514 của Chứ để liên lạc, trên đường đi C2 gọi điện cho C hẹn gặp nhau để giao nhận ma túy. Khoảng 23 giờ cùng ngày, Cà Văn S2 và C2 đến chỗ hẹn thì gặp C đang đứng đợi, C đưa qua cửa kính bên ghế phụ sau lái cho C2 01 túi vải màu đen bên trong có 04 bánh Heroine. Sau khi nhận được ma túy, Cà Văn S2 chở C2 về nhà T sau đó đi về nhà, C2 mang ma túy vào đưa cho T. Tại đây, T bảo C2 lấy dao rạch giữa 01 bánh Heroine để thử chất lượng, sau khi thử xong C2 bảo H5 đạt yêu cầu, T lấy thùng cát tông cắt lại bọc vừa 04 bánh Heroine rồi dùng băng dính dán kín lại. Sau khi dán xong bọc ma túy, C2 đi về nhà ngủ, còn T gọi điện cho Cà Văn S2 bảo đi giao ma túy nhưng Cà Văn S2 nói chưa đi được nên T mang bọc ma túy ra cất giấu tại hàng cây hoa cạnh nhà. Sau đó T gọi điện cho T2 thông báo đã có ma túy nhưng chưa mang

xuống được và hẹn ngày hôm sau sẽ mang xuống, T2 đồng ý và bảo T phải mang ma túy xuống tỉnh Bắc Ninh hoặc đầu thành phố Hà Nội. Khoảng 02 giờ ngày 03/12/2022, T gọi điện hẹn và điều khiển xe đến khu vực dốc Bưởi, xã B gặp Sùng A C để trả số tiền 320.000.000 đồng mua ma túy. Sau đó C đã mang 240.000.000 đồng đến trả cho Sùng Nhìa T6.

Khoảng 17 giờ ngày 03/12/2022, T gọi điện cho Cà Văn S2 bảo Cà Văn S2 mang ma túy xuống Hà Nội, Cà Văn S2 nói chỉ biết đường đến khu vực đèo Đ thuộc tỉnh Hòa Bình, T đồng ý và hẹn Cà Văn S2 khoảng 20 giờ cùng ngày đến nhà T lấy ma túy. Sau khi nói chuyện với Cà Văn S2, T gọi điện cho Lò Văn C2 đặt vấn đề thuê C2 đi xuống đèo Đ, tỉnh Hòa Bình xem đường trước để Cà Văn S2 mang ma túy đi sau giao cho khách mua ma túy của T và sẽ trả công cho C2 3.000.000 đồng, C2 đồng ý. Khoảng 19 giờ 30 cùng ngày, C2 sang nhà T nhận tiền công. T dặn C2 nếu trên đường gặp tổ công tác Cơ quan Công an thì báo cho Cà Văn S2, T và cho C2 số điện thoại 0867.216.993 và nói là của người nhận ma túy, C2 đồng ý sau đó gọi cho Lò Văn S1 thuê Lò Văn S1 chở xuống khu vực đèo Đ. Do trước đó ngày 01/12/2022, Lò Văn C2 đã từng cùng Lò Văn S1 mang ma túy xuống huyện M bán cho khách của T nên Lò Văn S1 không đồng ý, C2 bảo chỉ xem đường cho người mang ma túy theo sau thì Lò Văn S1 nhất trí, chở C2 đi.

Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Cà Văn S2 đến nhà T, khi gặp nhau T đưa cho Cà Văn S2 hộp bìa cát tông bên trong có 04 bánh Heroine, Cà Văn S2 cất số ma túy trên vào cốp xe ô tô. Cà Văn S2 yêu cầu T trả tiền công trước, T nói hiện có 15.000.000 đồng và đã chuyển vào tài khoản của Cà Văn S2 qua ứng dụng Viettel Money 15.000.000 đồng, số tiền còn lại 25.000.000 đồng T hẹn khi nào xong việc sẽ trả sau và cho Cà Văn S2 số điện thoại của người nhận ma túy là 0867.216.993. T nói với Cà Văn S2 có Lò Văn C2 đi trước kiểm tra đường và bảo Cà Văn S2 liên lạc với C2. Đồng thời, T cũng nhắn số điện thoại của Cà Văn S2 là 0702.257.967 cho Bùi Văn T2 để liên lạc hẹn giao nhận ma túy. Trên đường di chuyển, Cà Văn S2 gọi điện cho Lò Văn C2, hai bên thống nhất việc C2 đi trước nếu gặp trạm kiểm tra của Cơ quan Công an thì gọi điện thông báo cho Cà Văn S2. Khi xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, loại xe GRAND I10, màu sơn bạc, biển kiểm soát 27A-088.21 do Lò Văn S1 điều khiển xe ô tô chở Lò Văn C2 đến khu vực chân đèo P, C2 thấy có tổ công tác Đội Cảnh sát giao thông đang làm việc nên gọi điện cho Cà Văn S2 thông báo Cà Văn S2 đi chậm lại. Sau đó xe của Lò Văn S1 chở C2 di chuyển qua huyện T. Quá trình di chuyển, khi đến thị trấn T, Cà Văn S2 nhận được điện thoại của Bùi Văn T2 hỏi đã đi đến đâu và T2 hẹn khi nào đến cách đèo Đ khoảng 100km thì Cà Văn S2 gọi điện để T2 đi từ dưới tỉnh Bắc Ninh lên, Cà Văn S2 nhất trí.

Hồi 23 giờ 30 phút ngày 03/12/2022, khi Cà Văn S2 đang điều khiển xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, loại xe GRAND I10, màu sơn bạc, biển kiểm soát 27A-088.00 di chuyển trên quốc lộ F theo hướng Điện Biên - Sơn La đến khu vực thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La thì bị tổ công tác Công an huyện T yêu cầu dừng xe kiểm tra phát hiện tại cốp sau xe ô tô trên có 01 hộp giấy bên trong có 04 bánh bột nén màu trắng hình chữ nhật (nghi là Heroine). Tổ công tác đã lập biên bản

bắt người phạm tội quả tang đối với Cà Văn S2, thu giữ vật chứng.

Lò Văn S1 điều khiển xe chở Lò Văn C2, khi đến khu vực địa phận huyện M do C2 không liên lạc được với Cà Văn S2 nên bảo Lò Văn S1 quay xe lại, khi đến khu vực tiểu khu A, thị trấn T, huyện T thì Lò Văn S1 và Lò Văn C2 bị Công an huyện T giữ khẩn cấp.

Đối với Bùi Văn T2, sau khi liên lạc thống nhất địa điểm giao nhận ma túy với Cà Văn S2, khoảng 02 tiếng sau T2 gọi điện cho S2 nhưng không liên lạc được nên đã gọi cho H3 thông báo người giao ma túy cho T không liên lạc được. Sau đó do không thấy H3 và T liên lạc lại nên T2 đi về phòng trọ nghỉ. Khoảng 03 ngày sau, H3 gọi điện cho T2 thông báo 03 người mang ma túy cho T đã bị bắt. Sau đó T2 mang chiếc điện thoại có lắp số thuê bao 0867.216.993 trả lại H3 và hai người không liên lạc với nhau nữa.

Tại Kết luận giám định số 1812/KL-KTHS ngày 06/12/2022, Phòng K1 - Công an tỉnh S kết luận: *"Các mẫu gửi giám định ký hiệu S1, S3, S5, S7 đều là ma túy, loại Heroine, tổng khối lượng của các mẫu gửi giám định là 10,19 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 1.360,47 gam, loại Heroine".*

Sau đó, bị cáo Lò Văn S1 thay đổi lời khai: Bị cáo cho rằng Lò Văn C2 chỉ bảo bị cáo chở xuống huyện M; còn Lò Văn C2 đi nhằm mục đích gì bị cáo không biết; bị cáo không liên quan đến việc Lò Văn C2 thuê bị cáo đi cùng để xem đường trước cho người khác vận chuyển ma túy theo sau.

Ngoài hành vi nêu trên, bị cáo Lò Văn T khai nhận: Trong thời gian từ đầu tháng 11/2022 đến cuối tháng 11/2022, Lò Văn T đã 05 lần thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy khác, nhưng do không đủ căn cứ xác định loại, khối lượng ma túy, nên cấp sơ thẩm không xem xét, xử lý T và các đối tượng liên quan là phù hợp quy định pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2024/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã quyết định:

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm t, s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn T: Tử hình về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo Sùng A C (tên gọi khác: Sùng A S): Tử hình về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn S1: 20 (Hai mươi) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/12/2022.

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo Cà Văn S2: Tử hình về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy". Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, loại xe GRAND I10, màu sơn bạc, biển kiểm soát 27A-088.21, không kiểm tra được số khung và số máy (do xe đã niêm phong; các cánh cửa, cốp, nắp ca po đã khóa), xe đã qua sử dụng; kèm theo 01 chìa khóa xe.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Trần Quang H3, Bùi Văn T2, Lò Văn C2; quyết định xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và thông báo quyền kháng cáo, quyền làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17 và 18/4/2024, các bị cáo Lò Văn T, Sùng A C, Cà Văn S2 cùng có đơn kháng cáo đều với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22/4/2024, bị cáo Lò Văn S1 có đơn kháng cáo kêu oan với lý do, bị cáo bị ép cung, bị cáo chỉ là người lái xe taxi, không biết gì về vụ án Mua bán trái phép chất ma túy.

Ngày 19/4/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lò Văn T1 có đơn kháng cáo một phần bản án về phần xử lý vật chứng, đề nghị xem xét trả lại chiếc ô tô BKS 27A-088.21 cho vợ chồng ông T1 do đây là tài sản vợ chồng ông tích góp tiền bạc, thế chấp nhà đất để vay Ngân hàng tiền mua chiếc ô tô, giao cho bị cáo Lò Văn S1 để chạy taxi kiếm thêm thu nhập phụ giúp gia đình. Do bị cáo thường xuyên chở khách nên ông bà để bị cáo đứng tên sở hữu chiếc ô tô.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lò Văn T, Sùng A C, Cà Văn S2 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo Sùng A C tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo; các bị cáo Lò Văn T, Cà Văn S2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Lò Văn S1 giữ nguyên kháng cáo kêu oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Xét việc rút kháng cáo của bị cáo Sùng A C là tự nguyện, không bị ai ép buộc, đề nghị HĐXX đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Sùng A C.

- Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lò Văn T, Lò Văn S1 về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, xét xử bị cáo Cà Văn S2 về tội *"Vận chuyển trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan; mức hình phạt là tương xứng. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định tịch thu nộp ngân sách Nhà nước chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, loại xe GRAND I10, màu sơn bạc, biển kiểm soát 27A-088.21 do xác định là phương tiện phạm tội của bị cáo Lò Văn S1 là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, không phát sinh tình tiết đặc biệt mới. Vì vậy, căn cứ Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lò Văn T, Lò Văn S1, Cà Văn S2 và giữ

nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

** Quan điểm bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo Lò Văn T:*

Bị cáo T không thực hiện hành vi xúi giục hay cưỡng ép bị cáo Chung thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T không biết bị cáo Chung dưới 18 tuổi, hành vi của bị cáo T là độc lập. Đề nghị xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, khai ra đồng phạm tích cực giúp cơ quan điều tra điều tra vụ án, phạm tội do hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bố mất sớm, bị cáo là dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t, g, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội trong hoàn cảnh khó khăn" cho bị cáo và hủy bỏ tình tiết tăng nặng "Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội". Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt tù không thời hạn và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

** Quan điểm bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo Cà Văn S2:*

Bị cáo Cà Văn S2 chỉ có vai trò giúp sức bị cáo T vận chuyển ma túy chứ không biết khối lượng ma túy bao nhiêu. Bị cáo chỉ thực hiện theo sự chỉ đạo của bị cáo T, đi theo sự dẫn đường của bị cáo T. Đề nghị xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, khai ra đồng phạm tích cực giúp cơ quan điều tra điều tra vụ án, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, gia đình bị cáo có ông nội, ông ngoại là người có công với cách mạng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử mở lượng khoan hồng xử phạt bị cáo mức hình phạt tù không thời hạn đối với bị cáo.

** Quan điểm bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo Lò Văn S1:*

Không nhất trí với nội dung truy tố, xét xử bị cáo Lò Văn S1 về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Nếu chỉ dựa vào lời khai ban đầu của bị cáo Lò Văn S1 và bị cáo Chung thì không đúng do cả hai bị cáo đều khẳng định bị cán bộ điều tra ép cung, dùng nhục hình, phù hợp với việc bị cáo Chung và bị cáo Lò Văn S1 có các bản cung khai y hệt nhau mà theo bị cáo Lò Văn S1 khai là được đọc cho chép chứ không phải bị cáo tự khai. Bị cáo Lò Văn S1 không được nhận Kết luận điều tra bổ sung và Cáo trạng, điều tra viên không giải thích quyền, nghĩa vụ tố tụng cho bị cáo là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tại cơ quan điều tra, bị cáo Chung đã thay đổi lời khai về việc bị cáo Lò Văn S1 không biết gì về việc mua bán ma túy của bị cáo Chung, phù hợp với lời khai của bị cáo Lò Văn S1. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

** Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn T1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T1*: Nguồn gốc tiền mua chiếc xe ô tô biển kiểm soát 27A-088.21 là do vợ chồng ông vay tiền ngân hàng mua cho bị cáo làm dịch vụ taxi. Vì bị cáo S1 muốn đi làm lái xe taxi nên ông T1 đồng ý cho bị cáo S1 đứng tên xe hộ, việc bị cáo dùng xe để thực hiện hành vi phạm tội

ông không biết. Có đủ căn cứ xác định chiếc xe ô tô là của ông T1, do đó đề nghị HĐXX xem xét trả lại chiếc xe ô tô cho ông T1 để quản lý, sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Sùng A C tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo, căn cứ quy địnhh tại Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Sùng A C.

[2]. Lời khai của bị cáo Lò Văn T, Cà Văn S2 tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và thống nhất với nhau; phù hợp với lời khai của các bị cáo Sùng A C, Lò Văn C2, Trần Quang H3, Bùi Văn T2, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Các Biên bản mở niêm phong và kiểm tra điện thoại, khai thác thông tin dữ liệu điện tử, điện thoại di động, Bản ảnh kiểm tra điện thoại, khai thác thông tin dữ liệu điện tử, điện thoại di động của Cà Văn S2, Lò Văn C2, Lò Văn S1, Lò Văn T, Sùng A C; Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp; các Biên bản nhận dạng; Kết luận giám định, các vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 02/12/2022, Lò Văn T nhận được điện thoại của Trần Quang H3 đặt mua 04 bánh Heroine với giá 500.000.000 đồng, H3 chuyển khoản trước 320.000.000 đồng để đặt tiền cọc mua ma túy. T đã đặt và mua được của Sùng A Chứ 04 bánh Heroine có tổng khối lượng 1.360,47 gam với giá 320.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, ngày 03/12/2022, Lò Văn T đã thuê Lò Văn C2, C2 thuê Lò Văn S1 đi kiểm tra đường để Cà Văn S2 vận chuyển 04 bánh Heroine này xuống giao cho Bùi Văn T2 là người nhận ma túy hộ Trần Quang H3 tại khu vực đèo Đ thuộc huyện T, tỉnh Hòa Bình. Trên đường di chuyển đến thị trấn T, huyện T, C, Lò Văn C2 và Lò Văn S1 bị Công an huyện T phát hiện, bắt giữ, thu giữ toàn bộ vật chứng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lò Văn S1 tiếp tục kêu oan, tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh như sau:

- Căn cứ lời khai nhận tội trong quá trình điều tra của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo Lò Văn C2 (người thuê bị cáo đi lái xe chở C2 đi trước xem đường cho Cà Văn S2 chở ma túy theo sau).

- Căn cứ lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra tại các biên bản ghi lời khai ngày 18/7/2023, 16/8/2023, bị cáo xác nhận các bản tự khai trong hồ sơ vụ án đều do bị cáo tự viết, không bị ép buộc, chữ viết, chữ ký đều là của bị cáo; các buổi làm việc bị cáo không bị ép buộc, lời khai của bị cáo là tự nguyện, bị cáo tự ký tên vào các biên bản ghi lời khai; tại buổi làm việc ngày 07/12/2022 thành phần có Công an, Kiểm sát viên và luật sư của bị cáo tham gia, luật sư của bị cáo đã đọc lại nội dung lời khai, bị cáo đồng ý nội dung và ký xác nhận; quá trình hỏi cung có ghi âm, ghi hình, bị cáo đều tự khai nhận hành vi của mình.

- Căn cứ các File ghi âm, ghi hình và Biên bản ghi âm ghi hình ngày

05/12/2022 và các tài liệu khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án.

- Kết quả kiểm tra điện thoại của Lò Văn S1 phù hợp với thời gian cuộc gọi, tin nhắn nhận từ Lò Văn C2 đối chiếu với tin nhắn trong máy của C2 thể hiện việc S1 biết Lò Văn C2 dẫn đường cho Cà Văn S2 đi sau mang theo ma túy.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, mặc dù kêu oan và khai nại bị ép cung nhưng bị cáo không có căn cứ chứng minh.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử các bị cáo Lò Văn T, Sùng A C, Lò Văn S1 về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, xét xử bị cáo Cà Văn S2 về tội *"Vận chuyển trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan. Kháng cáo của bị cáo Lò Văn S1 và quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Lò Văn S1 cho rằng bị cáo không phạm tội là không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lò Văn T, Cà Văn S2 và xem xét về hình phạt đối với bị cáo Lò Văn S1, HĐXX thấy:

[3.1]. Bị cáo Lò Văn T là người tiếp nhận thông tin đặt mua ma túy từ Trần Quang Huy, trao đổi, thỏa thuận giá cả mua bán Heroine với H3 và Sùng A C, là người trực tiếp nhận số tiền H3 chuyển khoản và đem cho C. Sau đó T thuê Lò Văn C2 dẫn đường cho Cà Văn S2 và thuê Cà Văn S2 vận chuyển Heroine mang đi giao cho Bùi Văn T2. Cơ quan cảnh sát điều tra quyết định thay đổi tội danh đối với bị cáo Lò Văn T từ tội Vận chuyển trái phép chất ma túy thành tội Mua bán trái phép chất ma túy và xác định bị cáo Lò Văn T phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng ma túy trên là có căn cứ. Bị cáo Cà Văn S2 thực hiện hành vi chở Lò Văn C2 đến nhận ma túy từ Sùng A C để giao cho T, sau đó vận chuyển trái phép H5 giao cho Bùi Văn T2 để hưởng tiền công 40.000.000đ. Vì vậy, S2 phải chịu trách nhiệm độc lập về hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy. Bị cáo Lò Văn S1 là đồng phạm giúp sức cho Lò Văn C2, được Lò Văn C2 thuê đi cùng để xem đường cho Cà Văn S2 vận chuyển ma túy giao cho Bùi Văn T2. Bị cáo Lò Văn S1 phạm tội có tính chất đồng phạm nên cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự khi xem xét, lượng hình đối với bị cáo là phù hợp.

[3.2]. Các bị cáo Lò Văn T, Lò Văn S1, Cà Văn S2 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Tuy nhiên, do bị cáo Lò Văn T có hành vi xúi giục, lôi kéo bị cáo Lò Văn C2 là người dưới 18 tuổi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội"* quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.3]. Các bị cáo Lò Văn T, Sùng A C, Cà Văn S2 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo Lò Văn S1 thay đổi lời khai, không thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo quanh co, chối tội nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này. Ngoài ra, Các bị cáo Lò Văn T và Cà Văn S2 đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện, bắt giữ những đối tượng liên quan đến vụ án nên được hưởng

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Cà Văn S2 có ông ngoại Quàng Văn T7, ông nội là Cà Văn C3 là người có công với cách mạng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.4]. Như vậy, đánh giá khách quan, toàn diện vụ án, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, HĐXX thấy với khối lượng ma túy các bị cáo mua bán, vận chuyển trái phép đặc biệt lớn (1.360,47 gam Heroine) thì mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt từng bị cáo là tương xứng, phù hợp với quy định pháp luật, không nặng, đã phân hóa được vai trò, cá thể hóa được hình phạt của các bị cáo trong cùng vụ án. Hành vi mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy là đặc biệt nguy hiểm, đã xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, là một trong nguyên nhân dẫn tới hàng loạt các loại tội phạm, tệ nạn xã hội khác, là hiểm họa của nhân loại. Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù bị cáo Lò Văn T xuất trình thêm tài liệu thể hiện gia đình bị cáo (gồm ông nội, ông ngoại, bác ruột bị cáo) là người có công với cách mạng tuy nhiên, đây chỉ là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không phải là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt để HĐXX xem xét về hình phạt đối với bị cáo.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lò Văn T, Cà Văn S2 và Lò Văn S1. Cần giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt các bị cáo Lò Văn T, Cà Văn S2 và Lò Văn S1 thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là các tội phạm về ma túy đang diễn ra ngày một phức tạp trong giai đoạn hiện nay.

[4]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lò Văn T1, HĐXX thấy:

Theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự: *"1. Việc tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tịch thu tiêu hủy được áp dụng đối với: a) công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội..."*. Về xử lý vật chứng, tại khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định: *"a) Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành thì bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy"*. Trong vụ án này, mặc dù ông Lò Văn T1 và bị cáo Lò Văn S1 đều xác nhận tiền mua chiếc xe là do vợ chồng ông T1 vay mượn để mua cho bị cáo, nhưng tại thời điểm bị cáo sử dụng chiếc xe để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, chiếc xe là tài sản hợp pháp và đăng ký chính chủ tên của bị cáo Lò Văn S1. Bị cáo sử dụng chiếc xe ô tô là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo làm phương tiện phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp; Do đó cần tịch thu toàn bộ chiếc xe sung ngân sách nhà nước. Đây là vấn đề xử lý vật chứng trong vụ án hình sự, không phải là giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự, trường hợp nếu bố mẹ đẻ của bị cáo có tranh chấp về quyền sở hữu hoặc yêu cầu bồi thường giá trị của tài sản mà bị cáo dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội thì có quyền khởi kiện trong vụ án dân sự khác để giải quyết theo quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Lò Văn T, Cà Văn S2, Lò Văn S1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Sùng A Chứ rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lò Văn T1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 348; điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Sùng A C (tên gọi khác: Sùng A S). Phần quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2024/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La về tội danh hình phạt đối với bị cáo Sùng A C (tên gọi khác: Sùng A S) có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lò Văn T, Cà Văn S2, Lò Văn S1; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lò Văn T1; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2024/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Lò Văn T, Cà Văn S2, Lò Văn S1 và phần xử lý vật chứng là chiếc xe ô tô của bị cáo Lò Văn S1, cụ thể:

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn T: Tử hình về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn S1: 20 (Hai mươi) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/12/2022.

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo Cà Văn S2: Tử hình về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy". Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Trong thời hạn 07 (bảy ngày) kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, các bị cáo Lò Văn T, Sùng A C (tên gọi khác: Sùng A S), Cà Văn S2 được quyền làm đơn lên Chủ tịch N1 xin ân giảm án tử hình.

- *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu

HUYNDAI, loại xe GRAND I10, màu sơn bạc, biển kiểm soát 27A-088.21, không kiểm tra được số khung và số máy (do xe đã niêm phong; các cánh cửa, cốp, nắp ca po đã khóa), xe đã qua sử dụng; kèm theo 01 chìa khóa xe.

3. Các bị cáo Lò Văn T, Cà Văn S2, Lò Văn S1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Sùng A C (tên gọi khác: Sùng A S) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lò Văn T1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT I – TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- TTG - Công an tỉnh Sơn La;
- Các bị cáo (qua TTG);
- Người tham gia tố tụng khác (theo đ/c);
- Lưu: P. HCTP, HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Tuyển